

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: **13/2020/HSST**
Ngày: **05/8/2020**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Văn Thành Nhiều**

2. Ông **Ngô Rô Be**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thu Anh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự thụ lý số 11/2020/TLST- HS ngày 09 tháng 6 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/ HSST-QĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/ QĐST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị N , sinh năm 1973

Nơi cư trú: ấp B , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: buôn bán. Trình độ học vấn: 5/12. Con ông Trần Anh T (chết) và bà Trần Thị T , sinh năm 1955. Chồng: Trần Văn H , sinh năm 1971. Con, có 02 người, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2010. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Ngô Thị Tuyết H , sinh năm 1968

Nơi cư trú: ấp B , xã T , huyện T , Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 3/12. Con ông Ngô Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị A (chết). Chồng: Nguyễn Văn Thanh H , sinh năm 1966 (chết). Con, có 03 người, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1995 (01 con đã chết). Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Trần Văn S (S Hoạch), sinh năm 1946

Nơi cư trú: ấp B , xã B , huyện T , tỉnh An Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: làm ruộng. Trình độ học vấn: 3/12. Con ông Trần Văn B (chết) và bà Quách Thị Ê (chết). Vợ: Nguyễn Thị

M, sinh năm 1953. Con, có 06 người, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1985. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Phan Thị N , sinh năm 1942

Nơi cư trú: ấp B , xã T , huyện T , Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Hòa hảo. Nghề nghiệp: buôn bán. Trình độ học vấn: không biết chữ. Con ông Phan Văn B (chết) và bà Trần Thị T (chết). Chồng Huỳnh Văn L (chết). Con: có 05 người, lớn nhất sinh năm 1968, nhỏ nhất sinh năm 1983. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt)

5. Nguyễn Văn T , sinh năm 1955

Nơi cư trú: ấp B , xã B , huyện T , tỉnh An Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: làm ruộng. Trình độ học vấn: 4/12. Con ông Nguyễn Văn L , sinh năm 1924 (chết) và bà Dương Thị T , sinh năm 1926 (chết). Vợ: Vương Kim T , sinh năm 1962. Con, có 04 người, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1987. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt)

6. Lê Thị Út N (Hai Be), sinh năm 1961

Nơi cư trú: ấp B , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: 3/12. Con ông Lê Văn T (chết) và bà Đỗ Thị N 106 tuổi. Chồng: Trần Văn B , sinh năm 1956. Con, có 02 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1985. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

7. Trần Thị Tú N (Liều), sinh năm 1987

Nơi cư trú: ấp B , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: 10/12. Con ông Trần Minh M , sinh năm 1951 và bà Trần Thị P , sinh năm 1959. Con: Trần Ngọc M , sinh năm 2011. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 10 phút ngày 02/3/2020, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế và ma túy Công an huyện T , tỉnh Kiên Giang bắt quả tang tại khu vực đường đi chung trước cửa nhà của anh Nguyễn Trung N , sinh năm 1972 thuộc ấp B , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang đang đánh bạc với hình thức bài binh Ấn Độ 06 lá, được ăn thua bằng tiền. Có 10 người có liên quan gồm: Ngô Thị Tuyết H , Trần Thị N , Lê Thị Út N , Trần Thị Tú N , Phan Thị N , Nguyễn Văn T và Trần Văn S , Nguyễn Văn N , Nguyễn Văn T , Nguyễn Văn S .

Tiền hành thu giữ tại hiện trường gồm có: 01 (một) chiếc chiếu (loại chiếu lác) có kích thước 1,9m x 1,6m màu vàng, có viền màu đỏ dùng để trải ngồi đánh bạc. Tiền Việt Nam: **6.434.000đ** (*Sáu triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn đồng*). Trong đó: thu giữ trên chiếc chiếu dùng để ngồi đánh bạc là 1.850.000đ. Hướng từ tỉnh lộ 961 nhìn vào nhà anh Ngân, thu giữ tại vị trí bên phải cách chiếc chiếu đánh bạc 1,5 mét là 1.000.000đ, thu giữ tại vị trí bên phải cách chiếc chiếu đánh bạc 1,4 mét là 609.000đ, thu giữ tại vị trí bên phải cách chiếc chiếu đánh bạc 01 mét là 50.000đ, thu giữ tại vị trí bên trái cách chiếc chiếu dùng để đánh bạc 0,25 mét là 2.500.000đ; thu giữ trong hộp giấy màu xanh trắng được đựng trong bịch nylon màu vàng treo trên cột sắt cách chiếu đánh bạc 0,24m là 425.000đ; 02 (Hai) bộ bài tây 52 lá, trong đó một bộ đang sử dụng, một bộ chưa sử dụng thu giữ trên chiếc chiếu dùng để đánh bạc; 01 (Một) bịch nylon màu vàng có kích thước 0,25m x 0,35m có dòng chữ “Bánh Pía Nhất phẩm” dùng để đựng bài và tiền treo trên cột sắt cách chiếu đánh bạc 0,24 mét, bên trong có 02 (hai) bộ bài tây 52 lá chưa qua sử dụng và 01 (Một) cái hộp bằng giấy có màu xanh trắng, có dòng chữ “Low Smoke” có kích thước 0,13m x 0,14m (để trong bịch nylon màu vàng treo trên cột sắt).

* Kiểm tra hành chính thu giữ điện thoại di động, tiền trên người của những người có mặt tại chiếu bạc gồm: tiền Việt Nam 7.770.000đ (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng), trong đó: Ngô Thị Tuyết H 5.308.000đ; Nguyễn Văn S số tiền 250.000đ, 01 ĐTDĐ Samsung màu đen đã qua sử dụng; Nguyễn Văn T 1.125.000đ; Nguyễn Văn N 136.000đ, 01 ĐTDĐ Nokia màu xanh và 01 ĐTDĐ Blackberry màu đen, đều đã qua sử dụng; Nguyễn Văn T số tiền 110.000đ, 01 ĐTDĐ Nokia màu xanh đen đã qua sử dụng; Trần Thị Tú N số tiền 500.000đ; Trần Văn S 341.000đ, 01 ĐTDĐ Nokia màu đen và 01 ĐTDĐ Samsung màu đen, đều đã qua sử dụng; Lê Thị Út N số tiền 150.000đ.

Ngoài ra, sau khi bị bắt quả tang, Cơ quan điều tra kiểm tra phát hiện và tạm giữ trong nhà vệ sinh của gia đình chị Trần Thị N (gần địa điểm đánh bạc) số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Qua kết quả điều tra xác định, các bị cáo Ngô Thị Tuyết H , Lê Thị Út N , Trần Thị Tú N , Phan Thị N khai nhận đã rủ nhau đến khu vực đường đi chung gần trước cửa nhà của anh Nguyễn Trung N để tham gia đánh bạc loại bài binh Ấn Độ 06 lá, ăn thua bằng tiền. Sau đó Phan Thị N lấy bài tây loại 52 lá và dùng chiếu có sẵn ở gần đó trải ra để Lê Thị Út N , Trần Thị Tú N , và Ngô Thị Tuyết H vào đánh bạc. Tiếp đó thì Nguyễn Văn T , Trần Văn S , Nguyễn Văn N , Trần Thị N đến tham gia sau. Mỗi người làm cái thắng thì xâu 10.000đ và tự bỏ tiền vào bịch nylon màu vàng treo trên cột sắt gần đó. Nguyễn Văn N không trực tiếp tham gia đặt tiền khi bị cáo Trần Thị N làm cái, chỉ tham gia với vai trò là người bắt ăn có tiền của bị cáo Trần Văn S (là người ăn có, theo người làm cái).

Các bị cáo đánh bài ăn thua mỗi bàn từ 20.000đ đến 50.000đ, hình thức đánh bạc như sau: bài binh Ấn Độ 06 lá sử dụng loại bài tây 52 lá để chơi bài,

một người làm cái, những tụ còn lại tham gia đặt tiền. Người làm cái cầm bài chia và chia mỗi tụ 06 lá bài. Sau khi chia bài xong, mỗi tụ cầm bài binh và chia làm 02 chi, mỗi chi 03 lá bài. Tụ nào binh xong thì úp bài chờ các tụ còn lại binh xong hết thì mới mở bài ra tính thắng hay thua. Tính thắng hay thua thì tính giữa tụ cái (người làm cái) và những người chơi; các tụ khác không tính thắng thua với nhau. Chi bài tính lớn nhỏ ăn thua như sau: chi bài lớn nhất là chi bài có 03 lá bài tây, kế nhỏ hơn là chi bài có 09 nút (03 lá bài cộng lại được 09 nút), kế đó là các nút có số thứ tự nhỏ hơn và nhỏ nhất là chi bài bù (số nút trên 01 là bài cộng lại là chẵn chục 10 hoặc 20, 30 nút). Khi các tụ tham gia, tụ nào muốn làm cái thì xoay vòng làm cái. Các bị cáo đã tham gia đánh bạc với số tiền như sau:

+ Trần Thị N : thừa nhận lần đầu tham gia đánh bạc ngày 02/3/2020 với vai trò là người làm cái. Khi đến sòng bạc mang theo 300.000đ sử dụng vào mục đích đánh bạc. N làm cái được hai ván thì thua hết 250.000đ, còn lại 50.000đ đã bỏ xuống chiếu khi Công an bắt quả tang.

+ Ngô Thị Tuyết H : thừa nhận lần đầu tham gia đánh bạc ngày 02/3/2020 với vai trò làm cái và tham gia đặt tiền. Khi đi mang theo số tiền 5.428.000đ, trong đó H để riêng 4.000.000đ để trả nợ, còn lại 1.428.000đ sử dụng để đánh bạc. Trong khi đánh bạc có ván thắng, ván thua, đến khi bị bắt thua hết 120.000đ, bị Công an thu giữ tổng cộng số tiền 5.308.000đ.

+ Trần Văn S : thừa nhận lần đầu tham gia đánh bạc ngày 02/3/2020. Ban đầu bị cáo S tham gia ké tụ với Tú N mỗi ván số tiền 20.000đ và làm cái trước khi bị bắt quả tang, dỡ mỗi tụ cao nhất 20.000đ nhưng bị thua nên không tiếp tục làm cái. Đến khi Trần Thị N làm cái thì bị cáo không tham gia đặt tiền vì Trần Văn S có bà con với Trần Thị N nên không ăn thua với nhau mà ông S “ăn có” với người làm cái với số tiền 50.000đ.

Hình thức ăn thua cụ thể như sau: bị cáo S đặt 50.000đ xuống chiếu bạc, nếu người làm cái thắng sẽ lấy số tiền thắng được chung cho bị cáo S trước, nếu chung đủ 50.000đ (trùng ứng với số tiền bị cáo S ăn có) mà còn dư thì bị cáo Trần Thị N mới được hưởng phần số tiền còn lại; còn nếu người làm cái thua thì người làm cái sẽ lấy số tiền của người ăn có, tức là tiền 50.000đ bị cáo S đã “ăn có” để chung cho các tụ tham gia đặt tiền trước, còn thiếu bao nhiêu thì người làm cái mới lấy tiền của mình để chung. Tuy nhiên, S chưa “ăn có” được bàn nào thì Nguyễn Văn N vào tham gia “bắt ăn có với S”. Khi tham gia đánh bạc, bị cáo mang theo 341.000đ sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc huê vốn, khi bị bắt Công an thu giữ hết số tiền 341.000đ.

+ Phan Thị N : thừa nhận lần đầu tham gia đánh bạc ngày 02/3/2020 và là người đã rủ Ngô Thị Tuyết H, Út N, Tú N cùng đánh bạc. Phan Thị N nhờ một đứa bé trong xóm, không biết là ai, mua 02 (hai) bộ bài và sử dụng chiếc chiếu có sẵn để sát vách tôn nhà ông Út (đã chết) kế bên sòng bài để trải ra cùng những người khác tham gia đánh bạc. Khi đi mang theo 50.000đ để đánh

bạc nhưng không thắng, không thua. Khi Công an bắt quả tang thì N đã quảng số tiền lên chiếu bạc.

+ Trần Thị Tú N : thừa nhận lần đầu tham gia đánh bạc ngày 02/3/2020 với vai trò là người tham gia đặt tiền. Khi tham gia đánh bạc mang theo 250.000đ để đánh bạc thắng được 250.000đ. Khi bắt quả tang, Cơ quan Công an đã thu giữ hết số tiền 500.000đ.

+ Lê Thị Út N : thừa nhận lần đầu tham gia đánh bạc ngày 02/3/2020 với vai trò là người tham gia đặt tiền. Khi đi mang theo 180.000đ sử dụng mục đích đánh bạc, bị thua hết 30.000đ, còn lại 150.000đ để trong áo khoác khi quay về nhà, lúc trở lại tham gia đánh bạc thì không thu giữ nhưng sau đó đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 150.000đ.

+ Nguyễn Văn T : thừa nhận lần đầu tham gia đánh bạc vào ngày 02/3/2020 với vai trò là người tham gia đặt tiền. Khi tham gia đánh bạc mang theo 1.250.000đ sử dụng vào mục đích đánh bạc, quá trình tham gia thua, còn lại 1.125.000đ bị Công an thu giữ khi bắt quả tang.

Trong quá trình điều tra, xác định Nguyễn Văn N có tham gia đánh bạc với hình thức khác là “bắt ăn có” với Trần Văn S khi Trần Thị N làm cái. Cách tính thắng thua như sau: khi bị cáo S bỏ xuống chiếu số tiền 50.000đ để “ăn có theo người làm cái” thì Nguyễn Văn N lấy số tiền 50.000đ đó lên và “bắt ăn có” với ông S. Nếu người làm cái thắng các tụ tham gia đặt tiền thì bị cáo S sẽ thắng, lúc này người “bắt ăn có là Nguyễn Văn N ” phải trả lại cho bị cáo S số tiền đã đặt và phải chung thêm cho bị cáo S số tiền đã thua là 50.000đ; nếu người làm cái thua thì bị cáo S thua, bị cáo S sẽ tự đưa tiền ra để trả cho Nguyễn Văn N , người làm cái là bị cáo Trần Thị N không liên quan, lúc này người bắt ăn có sẽ thắng và lấy luôn số tiền của bị cáo S đã đặt. Qua kết quả điều tra, chưa đủ căn cứ để chứng minh Nguyễn Văn N có đặt tụ riêng tham gia đánh bạc mà chỉ bắt ăn có với Trần Văn S. Số tiền Nguyễn Văn N và S ăn thua với nhau không liên quan đến người làm cái và những người chơi khác, mà dựa trên kết quả thắng hay thua của người làm cái. Do đó chưa đủ căn cứ để khởi tố Nguyễn Văn N về tội đánh bạc.

Khi tiến hành bắt quả tang các bị cáo đang tham gia đánh bạc, Cơ quan điều tra đã thu giữ xung quanh chiếu bạc, cách vị trí chiếu bạc lần lượt là: 1,5 mét, 1,4 mét, 01 mét, 0,25 mét với số tiền là 4.159.000đ và tiến hành lập biên bản thu giữ số tiền trên với sự có mặt của các bị cáo, đồng thời trong quá trình điều tra các bị cáo không ai thừa nhận là tiền của mình ném bỏ nhưng các bị cáo đều khai nhận và xác định số tiền xung quanh chiếu bạc mà Cơ quan điều tra thu giữ là của các bị cáo khác tham gia đánh bạc tại chiếu bạc ném bỏ vì sợ khai nhận tham gia đánh bạc tiền nhiều sẽ bị phạt nặng. Vì vậy, số tiền thu tại chiếu bạc, thu xung quanh chiếu bạc, thu trên người của các bị cáo, xác định số tiền mà các bị cáo Ngô Thị Tuyết H, Trần Thị N , Trần Thị Tú N , Lê Thị Út N , Phan Thị N , Nguyễn Văn T , Trần Văn S tham gia đánh bạc trái phép là **9.858.000đ** (*Chín triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Trước đó vào ngày 01/3/2020 (trước ngày bị bắt quả tang 01 ngày), tại địa điểm bắt quả tang, ông Trần Văn B chồng của bị cáo Lê Thị Út N có mua 02 (hai) bộ bài tây loại 52 lá để Phan Thị N và một số người khác đánh bạc và lấy tiền xâu. Sau đó, những người chơi để bài vào túi nylon treo trên cây cột sắt gần chỗ đánh bạc, mỗi bàn thu tiền xâu từ 5.000đ đến 10.000đ thì để vào túi nylon đó để ông Trần Văn B lấy tiền điều trị bệnh. Ông Trần Văn B đi Long Xuyên, An Giang để điều trị bệnh đến cuối ngày 01/3/2020 mới về. Đến ngày 02/3/2020, ông Trần Văn B tiếp tục đi Long Xuyên điều trị bệnh mà không biết có số tiền xâu của ngày hôm trước mà những người chơi bài để lại, đồng thời cũng không mua bài và không biết những người chơi tụ tập lại đánh bạc bị bắt quả tang. Do đó không đủ căn cứ để xử lý Trần Văn B về hành vi chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội và thu lợi bất chính trong ngày 02/3/2020.

Những ngày trước khi bị bắt quả tang, vào thời điểm tết Nguyên Đán và ngày 01/3/2020, không xác định được cụ thể ai là người tham gia và đánh bạc với số tiền bao nhiêu nên không có căn cứ để xử lý.

Cáo trạng số 11/2020/CT-VKSTH ngày 09/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang: Truy tố các bị cáo Trần Thị N, Ngô Thị Tuyết H, Trần Thị Tú N, Lê Thị Út N, Phan Thị N, Nguyễn Văn T, Trần Văn S về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như đã diễn dẫn nêu trên. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- + Xử phạt bị cáo Trần Thị N từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ
- + Xử phạt bị cáo Ngô Thị Tuyết H từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ
- + Xử phạt bị cáo Trần Thị Tú N từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ
- + Xử phạt bị cáo Lê Thị Út N từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ
- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 20.000.000đ đến 25.000.000đ

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 35; điểm i, o, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- + Xử phạt bị cáo Trần Văn S 20.000.000đ đến 25.000.000đ
- + Xử phạt bị cáo Phan Thị N từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc chiếu (loại chiếu lác) có kích thước 1,9m x 1,6m màu vàng, có viền màu đỏ dùng để trải ngồi đánh bạc; 02 (hai) bộ bài tây 52 lá, trong đó một bộ đang sử dụng, một bộ chưa sử dụng thu giữ trên chiếc

chiếu dùng để đánh bạc; 01 (một) bịch nylon màu vàng có kích thước 0,25m x 0,35m có dòng chữ “Bánh Pía Nhất phẩm” dùng để đựng bài và tiền treo trên cột sắt cách chiếu đánh bạc 0,24 mét, bên trong có 02 (hai) bộ bài tây 52 lá chưa qua sử dụng và 01 (một) cái hộp bằng giấy có màu xanh trắng, có dòng chữ “Low Smoke” có kích thước 0,13m x 0,14m (để trong bịch nylon màu vàng treo trên cột sắt), do các vật chứng không còn giá trị sử dụng.

Tiền Việt Nam: **13.358.000đ** (*Mười ba triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng*). Trong đó: Số tiền dùng vào việc đánh bạc là **9.858.000đ** (thu trên chiếc chiếu 1.850.000đ, thu giữ xung quanh chiếu bạc 4.584.000đ, thu trên người của các bị cáo 3.274.000đ, bị cáo Lê Thị Út N tự nguyện giao nộp là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc 150.000đ); 3.500.000đ thu giữ trong nhà vệ sinh của gia đình chị Trần Thị N không xác định được ai là chủ sở hữu; cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước, số tiền trên được tạm nộp vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện T, tỉnh Kiên Giang theo Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

Tại phần nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, biên bản bắt phạm tội quả tang và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Vào lúc 18 giờ 10 phút ngày 02/3/2020 Công an huyện T, tỉnh Kiên Giang bắt quả tang tại khu vực đường đi chung trước cửa nhà của anh Nguyễn Trung N thuộc ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang, gồm có các bị cáo Ngô Thị Tuyết H, Lê Thị Út N, Trần Thị Tú N, Phan Thị N, Nguyễn Văn T, Trần Văn S, Trần Thị N đánh bạc trái phép được ăn thua bằng tiền với hình thức bài binh Ấn Độ 06 lá, với số tiền dùng vào việc đánh bạc là **9.858.000đ** (*chín triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng*). Khi bị bắt quả tang, các bị cáo Ngô Thị Tuyết H, Trần Văn S, Trần Thị N tham gia với vai trò làm cái cho các bị cáo khác tham

gia đánh bạc.

Các bị cáo: bị cáo Trần Thị N thừa nhận đem theo 300.000đ để đánh bạc; bị cáo Ngô Thị Tuyết H thừa nhận đem theo 1.428.000đ để đánh bạc, bị cáo Trần Văn S thừa nhận đem theo 341.000đ để đánh bạc; bị cáo Phan Thị N thừa nhận đem theo 50.000đ để đánh bạc; bị cáo Trần Thị Tú N thừa nhận đem theo 250.000đ để đánh bạc; bị cáo Lê Thị Út N thừa nhận đem theo 180.000đ để đánh bạc; bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận đem theo 1.250.000đ để đánh bạc. Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm tội: “Đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang truy tố các bị cáo Trần Thị N , Ngô Thị Tuyết H , Trần Thị Tú N , Lê Thị Út N , Phan Thị N, Nguyễn Văn T , Trần Văn S về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm vào lĩnh vực trật tự cộng đồng, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức được đánh bạc là hành vi vi phạm pháp luật, bởi đây là hình thức đánh bạc được ăn thua bằng tiền bị Nhà nước nghiêm cấm, nó là một tệ nạn xã hội, và là một trong những nguyên nhân dẫn đến tan vỡ hạnh phúc gia đình, kiệt quệ kinh tế và dẫn đến các loại tội phạm khác, trong vụ án này đa phần các bị cáo đều có nghề nghiệp ổn định, nhưng không lo lao động chính đáng mà ngược lại vì vụ lợi mà các bị cáo tham gia sát phạt ăn thua bằng tiền một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc trong vụ án này là **9.858.000đ** (*Chín triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm là cần thiết, để giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án là đồng phạm giản đơn, không phân công tổ chức, hành vi phạm tội tự phát, bị cáo Phan Thị N rủ bị cáo Ngô Thị Tuyết H, Út N , Tú N đến khu vực đường đi chung gần trước cửa nhà anh Nguyễn Trung N để đánh bạc. Các bị cáo Ngô Thị Tuyết H , Trần Văn S , Trần Thị N thay nhau là người làm cái, các bị cáo khác tham gia với vai trò tích cực ngang nhau, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với từng hành vi phạm tội của mình.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Phan Thị N và Trần Văn S là người từ 70 tuổi trở lên, nên hai bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, xử phạt các bị cáo trong mức án đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cũng đủ răn đe và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc chiếu (loại chiếu lác) có kích thước 1,9m x 1,6m màu vàng, có viền màu đỏ dùng để trải ngồi đánh bạc; 03 (ba) bộ bài tây 52 lá chưa sử dụng; 01 (một) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 01 (một) bịch nylon màu vàng có kích thước 0,25m x 0,35m có dòng chữ “Bánh Pía Nhất phẩm” dùng để đựng bài và tiền treo trên cột sắt cách chiếu đánh bạc 0,24 mét; 01 (một) cái hộp bằng giấy có màu xanh trắng, có dòng chữ “Low Smoke” có kích thước 0,13m x 0,14m (để trong bịch nylon màu vàng treo trên cột sắt), do các vật chứng không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền Việt Nam: **13.358.000đ** (*Mười ba triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng*). Trong đó: Số tiền dùng vào việc đánh bạc là **9.858.000đ** (thu trên chiếc chiếu 1.850.000đ, thu giữ xung quanh chiếu bạc 4.584.000đ, thu trên người của các bị cáo 3.274.000đ, bị cáo Lê Thị Út N tự nguyện giao nộp là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc 150.000đ); số tiền 3.500.000đ thu giữ trong nhà vệ sinh của gia đình chị Trần Thị Nguyên không xác định được ai là chủ sở hữu.

Số tiền trên được nộp theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số CT: 0000362 tại Kho bạc Nhà nước huyện T, tỉnh Kiên Giang của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

[7] Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác minh, làm rõ, xác định những vật chứng trong vụ án đã thu giữ không liên quan đến vụ án nên đã trả lại cho Nguyễn Văn S 01 ĐTDĐ Samsung màu đen đã qua sử dụng và 250.000đ; trả lại cho Nguyễn Văn N 01 ĐTDĐ Nokia màu xanh và 01 ĐTDĐ Blackberry màu đen, đều đã qua sử dụng; trả lại cho Nguyễn Văn T 01 ĐTDĐ Nokia màu xanh đen đã qua sử dụng và số tiền 110.000đ; trả lại cho bị cáo Trần Văn S 01 ĐTDĐ Nokia màu đen và 01 ĐTDĐ hiệu Samsung màu đen, cả hai đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Ngô Thị Tuyết H số tiền 4.000.000đ là tiền cá nhân bị cáo dùng để trả nợ cho chị Nguyễn Thị Kim H, do không liên quan đến vụ án; là phù hợp.

Số tiền 3.500.000đ thu giữ trong nhà vệ sinh của gia đình chị Trần Thị N, qua điều tra không xác định được ai là chủ sở hữu, nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn S có mặt tại hiện trường nhưng không có tham gia đánh bạc nên không xem xét xử lý, là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn N sử dụng 136.000đ vào mục đích đánh bạc và Trần Văn B , qua quá trình điều tra xác định: hành vi của Nguyễn Văn N và Trần Văn B chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ để xử lý hành chính, Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn N số tiền 1.500.000đ; đối với Trần Văn B Ủy ban nhân dân huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tệ nạn xã hội số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng); là phù hợp.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phan Thị N , Trần Văn S được miễn án phí do là người cao tuổi. Các bị cáo còn lại phải chịu án phí hình sự sơ thẩm hình sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị N , Ngô Thị Tuyết H , Trần Thị Tú N , Lê Thị Út N , Phan Thị N , Nguyễn Văn T , Trần Văn S phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị N 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)

+ Xử phạt bị cáo Ngô Thị Tuyết H 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị Tú N 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị Út N 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 35; điểm i, o, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn S 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

+ Xử phạt bị cáo Phan Thị N 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc chiếu (loại chiếu lác) có kích thước 1,9m x 1,6m màu vàng, có viền màu đỏ dùng để trải ngồi đánh bạc; 03 (ba) bộ bài tây 52 lá chưa sử dụng; 01 (một) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 01 (một) bịch nylon màu vàng có kích thước 0,25m x 0,35m có dòng chữ “Bánh Pía Nhất phẩm” dùng để đựng bài và tiền treo trên cột sắt cách chiếu đánh bạc 0,24 mét; 01 (một) cái hộp bằng giấy có màu xanh trắng, có dòng chữ “Low Smoke” có kích thước 0,13m x 0,14m (để trong bịch nylon màu vàng treo trên cột sắt), do các vật chứng không còn giá trị sử dụng.

Vật chứng trên, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số 09/QĐ-VKSTH ngày 09/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền Việt Nam: **13.358.000đ** (Mười ba triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng). Trong đó: Số tiền dùng vào việc đánh bạc là **9.858.000đ** (thu trên chiếc chiếu 1.850.000đ, thu giữ xung quanh chiếu bạc 4.584.000đ, thu trên người của các bị cáo 3.274.000đ, bị cáo Lê Thị Út N tự nguyện giao nộp là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc 150.000đ); số tiền 3.500.000đ thu giữ trong nhà vệ sinh của gia đình chị Trần Thị N không xác định được ai là chủ sở hữu.

Số tiền trên được nộp theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số CT: 0000362 tại Kho bạc Nhà nước huyện T, tỉnh Kiên Giang của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6 và Điều 23; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Thị N và bị cáo Trần Văn S được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Buộc các bị cáo Trần Thị N, Ngô Thị Tuyết H, Trần Thị Tú N, Lê Thị Út N, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo, người TGTT;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Ngô Rô Be**

2. Ông **Văn Thành Nhiều**

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Vào hồi 15 giờ 40 phút ngày 05/8/2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “Đánh bạc” đối với các bị cáo Trần Thị N , Ngô Thị Tuyết H , Trần Thị Tú Nhỏ, Lê Thị Út Nhỏ, Phan Thị N , Nguyễn Văn T , Trần Văn Sáu.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ

sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị N , Ngô Thị Tuyết H , Trần Thị Tú Nhỏ, Lê Thị Út Nhỏ, Phan Thị N , Nguyễn Văn T , Trần Văn S phạm tội “Đánh bạc”.

Kết quả biểu quyết: **3/3** đồng ý.

2. Về điều luật áp dụng và xử phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị N 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)

Kết quả biểu quyết : **3/3** đồng ý.

+ Xử phạt bị cáo Ngô Thị Tuyết H 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)

Kết quả biểu quyết : **3/3** đồng ý.

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị Tú N 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Kết quả biểu quyết : **3/3** đồng ý.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị Út N 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Kết quả biểu quyết : **3/3** đồng ý.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Kết quả biểu quyết : **3/3** đồng ý.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 35; điểm i, o, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn S 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Kết quả biểu quyết : **3/3** đồng ý.

+ Xử phạt bị cáo Phan Thị N 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Kết quả biểu quyết : **3/3** đồng ý.

3. Về các vấn đề khác: (Bồi thường, bồi hoàn, tịch thu, tiêu hủy...)

* **Về xử lý vật chứng**: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc chiếu (loại chiếu lác) có kích thước 1,9m x 1,6m màu vàng, có viền màu đỏ dùng để trải ngồi đánh bạc; 03 (ba) bộ bài tây 52 lá chưa sử dụng; 01 (một) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 01 (một) bịch nylon màu vàng có kích thước 0,25m x 0,35m có dòng chữ “Bánh Pía Nhất phẩm” dùng để đựng bài và tiền treo trên cột sắt cách chiếu đánh bạc 0,24 mét; 01 (một) cái hộp bằng giấy có màu xanh trắng, có dòng chữ “Low Smoke” có kích thước 0,13m x 0,14m (để trong bịch nylon màu vàng treo trên cột sắt), do các vật chứng không còn giá trị sử dụng.

Vật chứng trên, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số 09/QĐ-VKSTH ngày 09/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Kết quả biểu quyết : **3/3** đồng ý.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền Việt Nam: **13.358.000đ** (*Mười ba triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng*). Trong đó: Số tiền dùng vào việc đánh bạc là **9.858.000đ** (thu trên chiếc chiếu 1.850.000đ, thu giữ xung quanh chiếu bạc 4.584.000đ, thu trên người của các bị cáo 3.274.000đ, bị cáo Lê Thị Út N tự nguyện giao nộp là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc 150.000đ); số tiền 3.500.000đ thu giữ trong nhà vệ sinh của gia đình chị Trần Thị Nguyên không xác định được ai là chủ sở hữu.

Số tiền trên được nộp theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số CT: 0000362 tại Kho bạc Nhà nước huyện T , tỉnh Kiên Giang của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Kết quả biểu quyết : **3/3** đồng ý.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6 và Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Thị N và bị cáo Trần Văn S được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Kết quả biểu quyết : **3/3** đồng ý.

Buộc các bị cáo Trần Thị N , Ngô Thị Tuyết H , Trần Thị Tú Nhỏ, Lê Thị Út Nhỏ, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Kết quả biểu quyết : **3/3** đồng ý.

* Quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết : **3/3** đồng ý.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Kết quả biểu quyết : **3/3** đồng ý.

Biên bản kết thúc vào lúc 16 giờ 10 phút, có đọc lại cho mọi người cùng nghe và đồng ý ký tên./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

